

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 21**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và kinh phí hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được thành lập khi có đủ các tiêu chí sau:
 - a) Mỗi thôn, buôn, khu phố được thành lập một Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và Tổ viên.

b) Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được kiện toàn từ lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng hoặc được tuyển chọn theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

c) Được Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí địa điểm, nơi làm việc cụ thể.

2. Tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (bao gồm Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên) như sau:

a) Đối với thôn, buôn có dưới 350 hộ gia đình, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bố trí 03 thành viên. Trường hợp thôn, buôn có từ đủ 350 hộ gia đình trở lên, thì cứ đủ 100 hộ gia đình có thể được bố trí thêm 01 thành viên nhưng không quá 05 thành viên.

b) Đối với khu phố có dưới 500 hộ gia đình, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bố trí 05 thành viên. Trường hợp khu phố có từ đủ 500 hộ gia đình trở lên, thì cứ đủ 100 hộ gia đình có thể được bố trí thêm 01 thành viên nhưng không quá 07 thành viên.

Điều 4. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ thường xuyên hằng tháng theo mức lương tối thiểu vùng như sau:

a) Đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thuộc vùng III: Tổ trưởng 50% lương tối thiểu vùng; Tổ phó 40% lương tối thiểu vùng; Tổ viên 30% lương tối thiểu vùng.

b) Đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thuộc vùng IV: Tổ trưởng 55% lương tối thiểu vùng; Tổ phó 45% lương tối thiểu vùng; Tổ viên 30% lương tối thiểu vùng.

2. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được ngân sách nhà nước hỗ trợ thêm 20% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định hiện hành. Mức hỗ trợ này không bao gồm mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ 90% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định.

4. Đối với kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ danh sách người tham gia do cơ quan bảo hiểm xã hội gửi, thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan bảo hiểm xã hội. Trường hợp thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế hoặc đã hưởng hỗ trợ bảo hiểm y tế theo chính sách có quyền lợi cao hơn thì không được hưởng hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo Nghị quyết này.

5. Trường hợp thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ, thì được hỗ trợ 50% chi phí khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn với mức là 50.000đồng/người/ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ra viện nhưng không quá 15 ngày/tháng.

Trường hợp thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự chưa tham gia bảo hiểm xã hội khi thực hiện nhiệm vụ mà bị tai nạn dẫn đến chết thì thân nhân được trợ cấp tiền tuất và tiền mai táng phí như đối với Dân quân tự vệ không tham gia bảo hiểm xã hội bị tai nạn dẫn đến chết khi thực hiện nhiệm vụ.

6. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự kiêm nhiệm làm Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cao nhất.

Điều 5. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi làm nhiệm vụ trong thời gian từ 22 giờ 00 ngày hôm trước đến 06 giờ 00 sáng ngày hôm sau theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền thì được xem xét cho hưởng mức bồi dưỡng như sau:

a) Trường hợp người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở nếu làm nhiệm vụ từ đủ 04 giờ trở lên thì được hưởng mức bồi dưỡng là 80.000 đồng/người/đêm.

b) Trường hợp người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở nếu làm nhiệm vụ dưới 04 giờ thì được hưởng mức bồi dưỡng là 40.000 đồng/người/đêm.

c) Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chỉ được hưởng mức bồi dưỡng theo quy định tại khoản này không quá 10 đêm/người/tháng.

2. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi làm nhiệm vụ vào ngày nghỉ, ngày lễ được hưởng mức bồi dưỡng là 100.000 đồng/người/ngày, nhưng không quá 03 ngày/người/tháng.

3. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động thì được bồi dưỡng bằng hiện vật được tính theo định suất hàng ngày và có giá trị bằng tiền theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

4. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện thì được hưởng mức hỗ trợ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân.

5. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách thì được cơ quan điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn, nghỉ trong thời gian làm nhiệm vụ với mức tiền là 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 6. Trang bị, sửa chữa phương tiện, thiết bị; đảm bảo kinh phí tập huấn, diễn tập, hội thi; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận và phương tiện, thiết bị theo danh mục, tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Đối với việc trang bị trang phục, Trưởng Công an cấp xã tổng hợp nhu cầu số lượng trang phục của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn báo cáo Công an cấp huyện tổng hợp báo cáo Công an tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch mua sắm trang phục theo quy định.

2. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí nơi làm việc; đảm bảo văn phòng phẩm và kinh phí phục vụ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức. Tùy vào điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo kinh phí sửa chữa phương tiện, thiết bị; trường hợp vượt quá khả năng cân đối ngân sách thì tổng hợp đề nghị ngân sách cấp huyện xem xét hỗ trợ.

Điều 7. Nguồn kinh phí

1. Trong thời kỳ ổn định ngân sách hiện hành, kinh phí đảm bảo thực hiện Nghị quyết này được xác định như sau:

a) Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp, mức hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định trước khi ban hành Nghị quyết này được tính vào định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương đã được cấp có thẩm quyền giao.

b) Kinh phí đảm bảo trang bị trang phục theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này do Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

c) Kinh phí tăng thêm để đảm bảo mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế và các khoản hỗ trợ khác đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định tại Nghị quyết này so với các chế độ liên quan trước đây do ngân sách tỉnh hỗ trợ 60%, ngân sách cấp huyện hỗ trợ 40%.

2. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phụ cấp hàng tháng cho lực lượng bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Bãi bỏ quy định chức danh Phó Trưởng Công an (không là Công an chính quy), Công an viên thường trực (không là Công an chính quy), Công an viên ở thôn, buôn (không là Công an chính quy) và mức phụ cấp đối với các chức danh này; đồng thời, điều chỉnh số lượng tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 2; điểm a, b khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 7 quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức hỗ trợ và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp có sự thay đổi, cải cách chính sách tiền lương làm thay đổi mức tiền hỗ trợ, bồi dưỡng quy định tại Nghị quyết này, thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *Thư*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Phú Yên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH. *Thư*

CHỦ TỊCH**Cao Thị Hòa An**